

DỰ THẢO 03

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện
nhà máy thủy điện tích năng**

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy thủy điện tích năng.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện cho nhà máy thủy điện tích năng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Nhà máy thủy điện tích năng hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đấu nối với hệ thống điện quốc gia;

b) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

c) Các tổ chức cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy thủy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2017/TT-BCT ngày 29

tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định chi phí hàng năm của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhà máy thủy điện tích năng* là nhà máy thủy điện sử dụng hệ thống các hồ chứa ở các mức cao trình khác nhau, nước sẽ được xả từ hồ chứa cao xuống hồ chứa thấp thông qua các tua bin để phát điện.

2. *Nhà máy thủy điện tích năng chuẩn* là nhà máy thủy điện tích năng có quy mô công suất 1200 MW theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được duyệt.

3. *Công suất tính* là công suất lắp đặt quy đổi về vị trí đo đếm phục vụ cho việc thanh toán mua bán điện (kW).

4. *Năm cơ sở* là năm áp dụng khung giá phát điện nhà máy thủy điện tích năng.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng khung giá phát điện

Khung giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng là dải giá trị từ 0 (đồng/kWh) đến mức giá của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn. Mức giá của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

Điều 4. Phương pháp xác định giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn

Giá phát điện P^{TN} (đồng/kWh) của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$P^{TN} = FC + FOMC + VC$$

Trong đó:

FC: Giá cố định bình quân của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 5 Thông tư này (đồng/kWh);

FOMC: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 6 Thông tư này (đồng/kWh);

VC: Giá biến đổi của năm áp dụng khung giá của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này (đồng/kWh).

Điều 5. Phương pháp xây dựng giá cố định bình quân của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn

1. Giá cố định bình quân FC (đồng/kWh) của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí đầu tư, được xác định theo công thức sau:

$$FC = \frac{TC_{VĐT}}{A_{bq}}$$

Trong đó:

$TC_{VĐT}$: Chi phí vốn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện tích năng chuẩn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được quy đổi đều hàng năm xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này (đồng);

A_{bp} : Điện năng giao nhận bình quân năm tại điểm giao nhận xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này (kWh).

2. Chi phí vốn đầu tư của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được quy đổi đều hàng năm $TC_{VĐT}$ (đồng) theo công thức sau:

$$TC_{VĐT} = (SĐT \times P_t) \times \frac{(1+i)^n \times i}{(1+i)^n - 1}$$

Trong đó:

$SĐT$: Suất đầu tư của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này (đồng/kW);

P_t : Tổng công suất tính của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn (kW);

n : Đời sống kinh tế của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn là 40 năm (năm);

i : Tỷ suất chiết khấu tài chính của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này (%).

3. Suất đầu tư ($SĐT$) là chi phí đầu tư cho 01 (một) kW công suất tính bình quân của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được tính toán trên cơ sở tổng mức đầu tư có hiệu lực, cập nhật tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm tính toán khung giá phát điện, tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn (nếu cần thiết).

4. Tỷ suất chiết khấu tài chính i (%) áp dụng chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền danh định trước thuế được xác định theo công thức sau:

$$i = \frac{(D \times r_d + E \times r_e) \times n_D + r_e \times (n - n_D)}{n}$$

Trong đó:

D : Tỷ lệ vốn vay trong tổng mức đầu tư (%);

E : Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu trong tổng mức đầu tư tối thiểu 15% (%);

n : Đời sống kinh tế của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn là 40 năm (năm);

n_D : Thời gian trả nợ vay bình quân từ 10-15 năm (năm);

r_d : Lãi suất vốn vay được xác định theo quy định tại điểm a khoản này (%);

r_e : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu được xác định theo quy định tại điểm b khoản này (%).

a) Lãi suất vốn vay r_d (%) được tính bằng lãi suất bình quân gia quyền các nguồn vốn vay nội tệ và ngoại tệ.

b) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu r_e (%) được xác định theo công thức sau:

$$r_e = \frac{r_{e,pt}}{(1-t)}$$

Trong đó:

$r_{e,pt}$: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu là 12%;

t: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong đời sống kinh tế của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước (%).

5. Điện năng giao nhận bình quân năm tại điểm giao nhận A_{bq} (kWh) của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn được xác định theo sản lượng điện thiết kế.

Điều 6. Phương pháp xây dựng giá vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn

Giá vận hành và bảo dưỡng cố định FOMC (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn thủy điện tích năng là thành phần để thu hồi chi phí sửa chữa lớn, nhân công và các chi phí khác hằng năm, được xác định theo công thức sau:

$$FOMC = \frac{TC_{FOMC}}{A_{bq}}$$

Trong đó:

TC_{FOMC} : Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này (đồng);

A_{bq} : Điện năng giao nhận bình quân nhiều năm của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này (kWh).

2. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định TC_{FOMC} (đồng) của nhà máy điện chuẩn thủy điện tích năng được xác định theo công thức sau:

$$TC_{FOMC} = SDT \times P_t \times k_{O\&M}$$

Trong đó:

SDT: Suất đầu tư của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này (đồng/kW).

P_t : Công suất tính của nhà máy điện chuẩn thủy điện tích năng (kW).

k_{O&M}: Tỷ lệ chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định trong suất đầu tư của nhà máy điện được xác định trên cơ sở tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn hoặc số liệu vận hành thực tế từ các dự án tương tự đã thực hiện (%).

Điều 7. Phương pháp xác định giá biến đổi của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn cho năm áp dụng khung giá

Giá biến đổi của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn cho năm áp dụng khung giá (VC) là thành phần để thu hồi chi phí tích trữ nước, được xác định theo sản lượng điện tiêu thụ trong chu kỳ tích trữ nước, đơn giá bán lẻ điện giờ thấp điểm áp dụng cho các ngành sản xuất theo quy định và chi phí mua công suất phản kháng. Trong đó, sản lượng điện tiêu thụ trong chu kỳ tích trữ nước được xác định theo sản lượng điện tiêu thụ theo thiết kế của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

1. Đề xuất lựa chọn nhà máy thủy điện tích năng chuẩn để tính toán khung giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng (nếu có);
2. Tính toán, lựa chọn bộ thông số và tính toán giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn theo phương pháp quy định tại Chương II Thông tư này; trường hợp cần thiết, có thể thuê tư vấn xác định thông số và giá của nhà máy điện chuẩn.
3. Lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định.
4. Trường hợp các thông số tính toán khung giá biến động cần thiết phải tính toán lại khung giá phát điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm tính toán lại báo cáo Cục Điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ Công Thương ban hành.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Điều tiết điện lực

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trình duyệt. Trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực có văn bản yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ..
2. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm tổ chức thẩm định khung giá phát điện nhà máy thủy điện tích năng, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện nhà máy thủy điện tích năng và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Điều tiết điện lực.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khung giá phát điện

1. Tờ trình đề nghị thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện.
2. Bảng thông số và các tài liệu tính toán giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng chuẩn theo quy định tại Chương II Thông tư này.

3. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định khung giá phát điện và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐTEL.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên